TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DSST
Ngày: 20- 5- 2022
V*/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Luân
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 09/2022/QĐST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Đinh Bá Q, sinh năm 1973 (có mặt).
2. Bà Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình .

(Bà Ph ủy quyền cho ông Q)

Bị đơn: Ông Phạm Viết T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn Hữu Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn Hữu Đ1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(ông T vắng mặt, bà M xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Bá Q trình bày: Ngày 14/11/2018 âm lịch, ông Phạm Viết T có sang nhà vợ chồng ông vay số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay từ ngày 14/11/2018 âm lịch đến ngày 14/5/2019 âm lịch. Lý do ông T vay tiền để ông T mua thêm

máy khâu công nghiệp đầu tư vào xưởng may của gia đình. Do tình cảm bạn bè làm ăn buôn bán cùng nhau trong suốt thời gian 15 năm, nên ông đã tin tưởng cho ông T vay tiền và khi viết giấy cho vay tiền, ông đã không yêu cầu bà M vợ ông T cùng ký vào giấy vay tiền. Đến thời hạn phải thanh toán ông T không trả, ông sang đòi thì ông T hẹn rất nhiều lần mà vẫn không trả số tiền trên. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Viết T phải trả cho vợ chồng ông toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng. Trước đây ông yêu cầu ông T phải trả cả tiền lãi xuất, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông không yêu cầu ông T trả tiền lãi. Ông chỉ đề nghị ông T phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Việc ông T trình bày là đã trả lãi cho vợ chồng ông số tiền 54.000.000 đồng là không đúng.

Tại bản tự khai ngày 26-01-2022 bị đơn ông Phạm Viết T trình bày:

Ông Phạm Viết T xác nhận vào ngày 14/11/2018 âm lịch ông có vay của vợ chồng ông Đinh Bá Q và bà Nguyễn Thị Thu Ph số tiền là 150.000.000 đồng, không có thời hạn vay, lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng. Ông đã trả lãi cho ông Q, bà Ph 12 tháng tiền lãi là 54.000.000 đồng. Hiện nay ông đang gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Ông nhất trí trả nợ cho ông Q, bà Ph số tiền gốc là 150.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì ông xin.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-02-2022 bà Bùi Thị M vợ ông T trình bày: Việc ông T chồng bà vay nợ tiền của vợ chồng ông Q, bà Ph vay bao nhiêu tiền, vào thời gian nào bà không biết, ông T không bàn bạc, không nói gì với bà, bà không biết ông T vay tiền để làm gì và ông T không mang tiền về cho bà. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, những người tham gia tố tụng đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quân, bà Phương. Buộc ông Phạm Viết T phải trả cho ông Quân, bà Phương toàn bộ số tiền là 150.000.000đồng. Về án phí bị đơn phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Các đương sự tranh chấp việc thực hiện hợp đồng vay tiền nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là ông T hiện nay không có mặt tại địa phương, Tòa án đã xác minh và tống đạt; niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14-11-2018 âm lịch, do ông T viết, ông T xác nhận có vay số tiền trên của ông Q, bà Ph, hợp đồng ký kết vay tiền của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Việc ông T trình bày đã trả 54.000.000 đồng tiền lãi cho vợ chồng ông Q, bà Ph nhưng ông T không đưa ra được căn cứ gì, ông Q không Thừa nhận, do vậy không có căn cứ để xem xét số tiền này. Đến nay ông Q chỉ yêu cầu ông T phải trả vợ chồng ông số tiền 150.000.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi suất là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đinh Bá Q và bà Nguyễn Thị Thu Ph.

2. Buộc ông Phạm Viết T phải trả cho ông Đinh Bá Q và bà Nguyễn Thị Thu Ph số tiền là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Q, bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Ông Đinh Bá Q và bà Nguyễn Thị Thu Ph không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Q số tiền 5.175.000 đồng (Năm triệu một trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003549 ngày 24/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Ông Phạm Viết T phải nộp 7.500.000 đồng (Bẩy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện H,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự huyện. H,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Nhàn